TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Hồ Quang Hiển.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, Thư ký TAND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS, ngày 28/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị C, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn*: Anh Dương Kim N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Các đương sự đều vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2024, quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị C trình bày:

Chị Triệu Thị C và anh Dương Kim N kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông năm 2014. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị khuyên nhủ nhiều lần không được nên chị đưa con về sinh sống cùng bố mẹ

tại thôn 3, xã Đ, huyện Đ. Anh chị không chung sống với nhau từ đó đến nay, trong thời gian không chung sống anh chị để mặc mâu thuẫn xảy ra không tìm cách hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, chị C yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương Kim N.

Về yêu cầu nuôi con: Chị C yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương H, sinh ngày 07/11/2015 đến tuổi trưởng thành. Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2024, biên bản hoà giải, bị đơn anh Dương Kim N trình bày:

Anh Dương Kim N và chị Triệu Thị C kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông năm 2014. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự yêu thương, chia sẻ với nhau nên từ tháng 9 năm 2022 anh chị đã không còn chung sống với nhau. Anh N thừa nhận bản thân có ham chơi và nhậu nhẹt nhưng anh N không mong muốn vợ chồng ly hôn, ảnh hưởng đến con cái, tuy nhiên trong khoảng thời gian không chung sống anh chị để mặc mâu thuẫn xảy ra không tìm cách hàn gắn hạnh phúc, quá trình giải quyết vụ án chị C không về làm việc, thể hiện chị C không mong muốn đoàn tụ, chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N. Vì vậy anh N đồng ý ly hôn với chị C.

Về yêu cầu nuôi con chung: Con chung Dương H sinh ngày 07/11/2015 đang ở cùng với chị C, cháu đang đi học và có môi trường sống ổn định, cháu muốn được ở cùng với mẹ nên anh N đồng giao con chung cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Triệu Thị C và anh Dương Kim N đều có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị C ly hôn anh Dương Kim N.

Về con chung: Giao con chung Dương H, sinh ngày 07/11/2015 cho chị Triệu Thị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Triệu Thị C chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 giấy xác nhận thông tin nơi cư trú; 01 bản sao giấy khai sinh; 01 bản sao căn cước công dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Triệu Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Dương Kim N có nơi cư trú tại thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị C, anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014, quyển số 01/2014 thể hiện chị Triệu Thị C và anh Dương Kim N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông ngày 08/9/2014. Do đó, hôn nhân giữa chị Triệu Thị C và anh Dương Kim N là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Quá trình làm việc anh N cũng thừa nhận bản thân ham chơi, thường xuyên nhậu nhẹt không quan tâm đến gia đình, vợ con. Trong thời gian không chung sống với nhau anh chị cũng không tìm cách hàn gắn tình cảm mà để mặc cho mâu thuẫn xảy ra. Anh N đồng ý ly hôn với chị C.

Xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Việc anh N không lo làm ăn, uống rượu thường xuyên ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe bản thân, làm giảm sút kinh tế gia đình. Anh chị không chung sống với nhau thời gian đã lâu, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không tìm cách hàn gắn hạnh phúc khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, xa cách, quá trình giải quyết vụ án chị C không về làm việc, thể hiện chị C không mong muốn đoàn tụ với anh N. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị C và anh N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử có

cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị C, giải quyết cho chị Triệu Thị C ly hôn anh Dương Kim N.

[2.2]. Về con chung: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 28/6/2024, cháu Dương H, sinh ngày 07/11/2015 có nguyện vọng được ở cùng với chị Triệu Thị C.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Xét thấy con chung của chị C và anh N chưa thành niên, cần người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Cháu Dương H đang ở cùng với chị C, đang học tập, phát triển ở môi trường ổn định. Mặt khác, tại lời khai của anh N đồng ý giao cháu Dương H cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Dương H, sinh ngày 07/11/2025 cho chị Triệu Thị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Triệu Thị C và anh Dương Kim N có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Triệu Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị C.

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị C ly hôn với anh Dương Kim N.

b. Về con chung: Giao con chung Dương H, sinh ngày 07/11/2015 cho chị Triệu Thị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Triệu Thị C và anh Dương Kim N có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung: Chị Triệu Thị C không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà

chị Triệu Thị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0000571, ngày 08/5/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Nhi